

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Nguyễn Thị Thanh Nhàn*

Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy đánh giá thực trạng hoạt động thể dục thể thao nội, ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp trên các mặt: Thực trạng cơ sở vật chất, nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa, thực trạng đội ngũ giáo viên, thực trạng thể lực chung, kết quả học tập môn GDTC và nhận thức của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Từ khóa: Sinh viên, GDTC, thực trạng, Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Reality of physical education at University of Economic and Technical Industries

Summary:

Using the common scientific research methods to evaluate the reality of curricular and extra-curricular sports activities of students at the University of Economic and Technical Industries in the following aspects of the situation of facilities, demand of extra-curricular sports training, reality of teacher quality, reality of general physical strength, study results of Physical Education subject and awareness of student at the University of Economic and Technical Industries.

Keywords: Students, Physical Education, reality, the University of Economic and Technical Industries.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Những năm gần đây, công tác GDTC ở Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp đã không ngừng đổi mới, đã tổ chức các hội thảo khoa học để lựa chọn các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC trên quan điểm: Chất lượng "sản phẩm" phụ thuộc phần lớn ở nơi "sản xuất".

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là: Xác định các yếu tố và nguyên nhân ảnh hưởng tới hiệu quả công tác GDTC trong các Trường Đại học; đánh giá chương trình giảng dạy nội khóa và ngoại khóa của sinh viên; thực trạng đội ngũ giáo viên; nhận thức của sinh viên và cơ sở vật chất, sân bãi dụng cụ phục vụ công tác GDTC; thực trạng thể lực chung và kết quả học tập môn GDTC của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu tiến hành lựa chọn và xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu đề tài đã sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích

và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp quan sát sư phạm, phương pháp kiểm tra sư phạm và phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Xác định các yếu tố và nguyên nhân ảnh hưởng tới hiệu quả công tác GDTC trong các Trường Đại học

Tiến hành phỏng vấn 19 chuyên gia GDTC, cán bộ quản lý và cán bộ giảng dạy môn học GDTC tại các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội về các yếu tố và nguyên nhân ảnh hưởng tới hiệu quả công tác GDTC trong các trường Đại học. Kết quả thu được 9 yếu tố ảnh hưởng và 4 nguyên nhân chính gồm:

- Các yếu tố ảnh hưởng:

1. Nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và quỹ thời gian dành cho môn học GDTC.
2. Nhận thức về vị trí, vai trò của GDTC trong cán bộ quản lý, giáo viên, sinh viên.
3. Cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC và các hoạt động thể thao

*ThS, Trưởng Bộ môn GDTC, Trường Đại học Xây dựng

4. Chất lượng và số lượng đội ngũ giáo viên giảng dạy môn GDTC.

5. Sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, giáo viên về công tác GDTC.

6. Chế độ chính sách dành cho các giáo viên và những người làm công tác TDTT.

7. Hoạt động thể thao ngoại khoá.

8. Sự phát triển kinh tế và phong trào thể thao ở các địa phương.

9. Thực trạng thể lực chung và kết quả học tập môn GDTC của sinh viên.

- Các nguyên nhân chính gồm:

1. Thiếu cơ sở vật chất, dụng cụ tập luyện không đảm bảo.

2. Nhận thức về vai trò của TDTT còn hạn chế trong sinh viên.

3. Các hoạt động TDTT ngoại khóa chưa được phát triển.

4. Giáo viên không được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn.

2. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới công tác GDTC của Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.1. Thực trạng chương trình giảng dạy và tổ chức giờ học GDTC

Căn cứ vào quy chế đào tạo đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt đối với các cơ sở giáo dục Đại học về chương trình GDTC bắt buộc, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã xây dựng chương trình môn học GDTC, nội dung cụ thể trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Nội dung chương trình môn học GDTC của Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

TT	Nội dung	Tổng số giờ	Năm học		
			I	II	III
1	Lý luận	14	8	6	
2	Thực hành	136			
	Thể dục		24		
	Điền kinh		28	24	
	Các môn thể thao lựa chọn: (Bóng chuyền, Bóng bàn, bóng rổ và cầu lông)	60	0	30	30
3	Ngoại khóa	0		0	0
Tổng số		150	60	60	30

Qua bảng 3 cho thấy, cấu trúc chương trình môn học GDTC ở Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp gồm 2 giai đoạn với 150 tiết và được chia thành 5 học phần.

- Giai đoạn 1: Tổng số giờ 90 tiết (tương đương với 3 học phần) và được bố ở trí năm học đầu tiên và học kỳ 1 năm thứ 2.

- Giai đoạn 2: Sau khi đã hoàn thành các nội dung môn học ở giai đoạn 1, sinh viên tiếp tục học giai đoạn 2 ở kỳ 2 năm thứ 2 và kỳ 1 năm thứ 3. Ở giai đoạn này các sinh viên được học các môn tự chọn như: Điền kinh và Cầu lông (Do điều kiện sân bãi không đáp ứng nhu cầu học tập cho các môn khác). Mỗi một sinh viên sẽ được đăng ký học 1 trong 2 môn thể thao nêu trên. Học phần tự chọn được chia làm 2 học phần, mỗi học phần 30 tiết. Yêu cầu chuyên môn về kỹ thuật, thể lực ở mức độ cao hơn để hình thành và ổn định cho học sinh phương pháp học tập, rèn luyện đối với môn học lựa chọn.

2.2. Đánh giá thực trạng về đội ngũ giáo viên Thể dục thể thao

Kết quả nghiên cứu thực trạng đặc điểm đội ngũ giáo viên của bộ môn GDTC – Quốc phòng được thể hiện ở bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy, trong những năm gần đây số lượng giáo viên bộ môn GDTC của nhà Đ đến năm 2010 Nhà trường đã có 17 giáo viên, trong đó có 12 người trực tiếp giảng dạy với tổng số đầu lớp là 53 lớp/năm. Tổng số sinh viên trung bình hàng năm phải học nội dung GDTC khoảng trên 7100 em, bình quân 01 giáo viên đảm nhận trên trên dưới 595 sinh viên. Tổng số giờ giảng dạy của 1 giáo viên trung bình một năm học là 720 giờ, so với giờ định chuẩn là 420 tiết. Như vậy giáo viên giảng dạy vượt giờ trung bình là 300 tiết một người/năm.

Tất cả giáo viên TDTT đều có trình độ đại học, trong đó hầu hết đều học đại học chính quy, trước 2007 không có giáo viên nào có trình độ thạc sỹ, năm 2010 đã có 4 thạc sỹ. Tuổi đời bình quân của giáo viên TDTT hầu hết đều dưới 30 tuổi, chỉ có 01 giáo viên thâm niên công tác trên 20.

2.3. Mức độ nhận thức của sinh viên về công tác GDTC và hoạt động TDTT

* Đề tài đã tiến hành phỏng vấn 400 sinh viên Đại học năm 1, 2 và 3 về việc đánh giá giờ học GDTC chính khóa, kết quả cho thấy: Về chuẩn bị tốt kiến thức chuyên môn cho giờ dạy có 359/400 sinh viên đồng ý với ý kiến này, chiếm tỷ lệ cao 89.8%; Chấp hành đúng thời gian lên xuống lớp có 286/400 sinh viên đồng ý, chiếm tỷ

Bảng 2. Thực trạng đặc điểm đội ngũ giáo viên bộ môn GDTC- Quốc phòng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Năm	Tổng số giáo viên	Trình độ			Tuổi đời			Thâm niên công tác			SL GV đạt GVDG
		ĐH Tại chức	ĐH Chính quy	Thạc sỹ	< 30	30-40	> 40	< 10 năm	10 -20 năm	> 20 năm	
2006	6	0	6	0	4	1	1	4	1	1	0
2007	7	0	7	0	5	1	1	5	1	1	1
2008	11	0	9	2	9	1	1	9	1	1	1
2009	13	0	10	3	10	2	1	10	2	1	2
2010	17	0	13	4	13	3	1	14	2	1	2

lệ 71.5%; Trang phục tác phong đúng qui định có 334/400 sinh viên đồng ý, đạt tỷ lệ 83.5%.

Về ý kiến đánh giá tổ chức giờ học chính khóa có 307/400 sinh viên cho rằng giờ học bình thường, chiếm tỷ lệ cao nhất 45.25%, trong đó còn có 13.25% sinh viên cho rằng giờ học chưa thực sự sinh động .

Về trách nhiệm của giáo viên khi đứng lớp, trong số 400 sinh viên được hỏi thì có 41.5% cho

rằng giáo viên có tinh thần trách nhiệm cao, 45.2% sinh viên đánh giá ở mức bình thường và 13.2% cho rằng trách nhiệm của giáo viên khi đứng lớp chưa cao.

* Thống kê về thực trạng và nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của sinh viên được trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng và nhu cầu tập luyện ngoại khóa các môn thể thao của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - kỹ thuật Công nghiệp (n = 400)

Đối tượng	n	Thực trạng thời gian tập luyện TDTT trong tuần				Các môn thể thao được yêu thích						
		1 buổi	2 buổi	>3 buổi	Không tập	Bóng rổ	Cầu lông	Bóng bàn	Thể dục	Bóng đá	Võ	Bóng chuyền
Nam	n = 250	77	39	22	112	30	57	37	5	52	37	32
	%	30,8	15,6	8,8	44,8	12,0	22,8	14,8	2,0	20,8	14,8	12,8
Nữ	n = 150	32	19	14	85	17	26	29	38	11	24	5
	%	21,3	12,7	9,3	56,7	11,3	17,3	19,3	25,3	7,3	16,0	3,3

Qua bảng 3 cho thấy: Hoạt động ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Kinh tế -Kỹ thuật Công nghiệp chưa được phát triển mạnh mẽ. Trong số 250 sinh viên nam có 112 em trả lời không tham gia, chiếm 44,8%; Số sinh viên tham gia tập trên 3 buổi chỉ có 22 em, chiếm 8,8%, số sinh viên tập 2 buổi/tuần là 39 em, chiếm 15,6%, còn tập 1 buổi là 77 em chiếm 30,8%.

Đối với nữ tỷ lệ tập luyện ngoại khóa thấp hơn nam. Với 150 em được phỏng vấn thì có tới 85 em không tập ngoại khóa, chiếm 56,7%, chỉ có 14 em tham gia tập trên 3 buổi, chiếm 9,3%; số tập 2 buổi là 19, chiếm 12,7% và số người tập 1 buổi/tuần là 32, chiếm 21,3%.

Kết quả phỏng vấn về sự ham thích các môn thể thao của sinh viên cho thấy, sinh viên Trường

Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đều có sở thích tập trung: Đối với nam tỷ lệ yêu chuộng bóng đá, võ và cầu lông chiếm từ 14,8% đến 22.8 %, các môn còn lại chỉ chiếm số ít từ 2,2% đến 12,0%. Đối với nữ có 4 môn được ưa thích gồm Thể dục, Cầu lông, Bóng bàn và Võ, chiếm tỷ lệ từ 17,3% đến 25,3%. 3 môn còn lại có tỷ lệ yêu thích thấp, từ 3,3% đến 11,3% .

* Về Thực trạng tham gia các giải thi đấu thể thao: Năm học 2009 – 2010 số lượng giải đấu do nhà trường tổ chức chỉ có 4 nội dung: Bóng chuyền, Bóng đá, Cầu lông và Kéo co; Nhà trường chỉ tham gia 2 giải địa phương gồm Bóng đá và Cầu lông. Số lượng các giải đấu được tổ chức ít như vậy do nhiều nguyên nhân khác nhau: Có thể do mức độ quan tâm của các cấp lãnh đạo

đối với công tác TDDT còn hạn chế, các nhà chuyên môn về TDDT chưa thực sự thường xuyên tham mưu cho Ban giám hiệu để tiến hành tổ chức các giải đấu cũng như tham gia các giải đấu ngoài trường, do điều kiện kinh phí dành cho các hoạt động TDDT còn hạn hẹp và sợ ảnh hưởng đến quá trình học tập của sinh viên.

2.4. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC và TDDT

Tiến hành thống kê thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC và TDDT của Nhà trường. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy: Cơ sở vật chất hiện có so với số lượng sinh viên là quá thiếu và chưa

đáp ứng được yêu cầu. Mặc dù thực tế số lượng sân bãi dụng cụ cho giảng dạy và tập luyện TDDT trong những năm gần đây của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp có được cải thiện hơn, nhưng so với yêu cầu giảng dạy chính khoá, các hoạt động phong trào còn thiếu, không đáp ứng được các loại hình đào tạo mở rộng với số lượng sinh viên ngày càng tăng.

Cùng với yếu tố cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập TDDT thì các điều kiện hỗ trợ trực tiếp cho công tác giảng dạy của giáo viên cũng là yếu tố đảm bảo chất lượng giảng dạy. Thực trạng của các yếu tố này được trình bày ở bảng 5.

Bảng 4. Thực trạng sân bãi, dụng cụ phục vụ công tác GDTC tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp thời điểm 2010

TT	Sân bãi dụng cụ	SL	Chất lượng	Hiệu quả sử dụng			Tỷ lệ sinh viên/dụng cụ
				Tốt	BT	Kém	
1	Đường chạy cự ly trung bình	1	Sân xi măng			x	13.084
2	Đường chạy cự ly ngắn	7	Sân xi măng		x		1.869
3	Sân bóng đá mi ni	1	Sân xi măng			x	13.084
4	Sân bóng chuyền	2	Sân xi măng		x		6.542
5	Sân bóng rổ	0					
6	Sân cầu lông	4	Sân xi măng		x		3.271
7	Bàn bóng bàn	0					
8	Xà đơn, xà kép	6		x			2.181
9	Nhà tập thể chất	1	Nền lát gạch hoa		x		13.084

Bảng 5. Các điều kiện trực tiếp hỗ trợ công tác giảng dạy TDDT của giáo viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

TT	Các điều kiện hỗ trợ	Số lượng	Mức độ sử dụng
1	Sách giáo khoa, giáo trình về GDTC (đầu sách)	20	Thường xuyên
2	Luật các môn thể thao (đầu sách)	20	Không thường xuyên
3	Tài liệu tham khảo (đầu sách)	15	Thường xuyên
4	Các trang thiết bị cá nhân (Đồng hồ, thước đo...)	30	Thường xuyên
5	Câu lạc bộ TDDT	30	Không có

Qua bảng 5 cho thấy: Giáo viên TDDT của nhà trường được trang bị khá đầy đủ về sách giáo khoa, giáo trình về GDTC, nhưng tài liệu tham khảo và luật các môn thể thao thì còn ít... điều này đã hạn chế việc nâng cao kiến thức và nhận thức về các môn thể thao của các em. Đặc biệt là các tài liệu tham khảo của giáo viên mới tập trung vào kỹ năng thực hành còn các tài liệu tham khảo về lý luận TDDT thì mới được bổ sung.

3. Thực trạng thể lực chung và kết quả học tập môn GDTC của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

3.1. Thực trạng thể lực chung của sinh viên

Tiến hành kiểm tra trình độ thể lực của 289 sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai và năm thứ ba, đồng thời tiến hành phân loại trình độ thể lực của sinh viên theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Kết quả được trình bày tại bảng 6.

Bảng 6. Thực trạng trình độ thể lực sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

TT	Nội dung	Nam năm nhất (n = 54)		Nam năm hai (n = 51)		Nam năm ba (n = 55)	
		Số SV đạt	Tỷ lệ %	Số sinh viên đạt	Tỷ lệ %	Số SV đạt	Tỷ lệ %
1	Nằm ngửa gập bụng 30 giây (sl)	27	50	32	62,7	33	60
2	Bật xa tại chỗ (cm)	30	55,6	34	66,7	37	67,3
3	Chạy 30 m XPC (giây)	31	57,4	35	68,7	31	56,4
4	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	27	50	31	60,9	29	52,7
5	Chạy tùy sức 5 phút (m)	29	53,7	26	51	31	56,4
		Nữ năm nhất (n = 58)		Nữ năm hai (n = 56)		Nữ năm ba (n = 65)	
1	Nằm ngửa gập bụng 30 giây (sl)	12	20,7	19	33,9	27	41,5
2	Bật xa tại chỗ (cm)	18	31,0	27	48,2	33	50,8
3	Chạy 30 m XPC (giây)	16	27,9	26	46,4	31	47,7
4	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	9	15,5	21	37,5	30	46,2
5	Chạy tùy sức 5 phút (m)	8	13,8	24	42,9	29	44,6

Qua kết quả kiểm tra có thể nhận thấy trình độ thể lực chung của các sinh viên ở cả nam và nữ Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp còn yếu. Tỷ lệ số sinh viên đạt tiêu chuẩn theo bộ tiêu chuẩn đánh giá thể lực còn thấp, chỉ chiếm 13.8% – 68.7%. Điều này cho thấy việc phát triển

thể lực chung cho đối tượng sinh viên là một việc làm hết sức cần thiết.

* Thống kê thực trạng về kết quả môn học GDTC của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được trình bày ở bảng 7.

Bảng 7. Kết quả học tập môn học GDTC của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (năm học 2006-2009)

TT	Khoa	Năm học	Tổng số SV	Kết quả							
				Giỏi		Khá		Trung bình		Không đạt	
				SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
1	ĐH 1	2006-2007	3480	340	9,8	878	25,2	1742	50,1	520	14,9
2	ĐH 2	2007-2008	4214	440	10,4	920	21,8	2376	56,4	478	11,4
3	ĐH 3	2008-2009	5390	672	12,5	998	18,5	3175	58,9	545	10,1

Qua bảng 7 cho thấy: Tỷ lệ các sinh viên có kết quả học tập đạt loại giỏi chiếm tỷ lệ % còn ít, thấp nhất là năm học 2006 – 2007: Tỷ lệ đạt giỏi chỉ có 9,8%; tỷ lệ đạt khá là 25,2%; số học sinh đạt điểm trung bình chiếm 50,1% và tỷ lệ không đạt chiếm tỷ lệ cao nhất 14,9%. Đến năm học 2008 – 2009 tỷ lệ học sinh chỉ đạt điểm trung bình vẫn chiếm tỷ lệ cao 58,9%.

KẾT LUẬN

Kết quả phân tích, đánh giá thực trạng công tác GDTC ở Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp cho thấy: So với sở thích tập luyện các môn TDTT của sinh viên thì chương trình giảng dạy còn nhiều hạn chế với 4 môn Điền kinh, Bơi lội, Bóng chuyền và Bóng rổ; Cơ sở vật

chất sân bãi, dụng cụ tập luyện chưa đáp ứng được nhu cầu; Đội ngũ giáo viên không được thường xuyên nâng cao trình độ; Hoạt động ngoại khoá diễn ra không thường xuyên. Tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn thể lực ở dưới mức trung bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Anh Thơ và Đồng Văn Triệu (2000), *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
2. Lê Khánh Bằng (1993), *Tổ chức quá trình dạy học đại học*, Viện nghiên cứu Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp.
3. Lê Văn Lắm và nhóm biên soạn (1987), *Thực trạng phát triển thể chất của học sinh, sinh viên trước thềm thế kỷ 21*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

(Bài nộp ngày 10/7/2016, Phản biện ngày 15/7/2016, duyệt in ngày 10/8/2016)